

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 7 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXX-ST ngày 28/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Kim A, sinh năm 2000

HKTT: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị Kim A có mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Bàn Kim A có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Kim A kết hôn với anh Nguyễn Đức T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh

Thái Bình vào ngày 05/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà anh T ở thôn A, xã Q, huyện Q. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi cự, có lời nói xúc phạm nhau. Khoảng tháng 7 năm 2020 chị Kim A về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V, thành phố Th sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị Kim A xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Kim A xác nhận chị và anh Nguyễn Đức T chỉ có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/9/2018 và Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/03/2020. Hiện nay con Thảo L đang ở cùng anh T và ông bà nội, con Thanh Th do chị Kim A đang nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Kim A đề nghị Tòa án giao con Thảo L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Thanh Th cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị Kim A thừa nhận đã được Tòa án giải thích rõ về quyền nuôi dưỡng con dưới 36 tháng tuổi song do con Thanh Th còn quá bé và hay đau ốm, bản thân chị lại chưa thể làm, chưa có thu nhập, mọi chi phí sinh hoạt, ăn ở của mẹ con chị hiện đều nhờ ông bà ngoại giúp đỡ nên chị không có điều kiện nhận nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh T), địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bà H trình bày: Việc kết hôn giữa chị Bàn Kim A và anh Nguyễn Đức T như chị Kim A trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Kim A có nhắn tin qua lại với người khác, vợ chồng cãi cự nhau nên chị Kim A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó anh T có đi tìm chị Kim A về chung sống. Đến khoảng tháng 7/2020 chị Kim A đưa con Thanh Th đi khám bệnh rồi về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Kim A xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn; về con chung: Vợ chồng chị Kim A và anh T có 02 con chung đúng như chị Kim A trình bày. Ly hôn gia đình bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo L vì cháu vẫn ở cùng anh T và gia đình từ trước tới nay. Đối với cháu Nguyễn Thanh Th, gia đình nhất trí với ý kiến của chị Kim A để chị Kim A nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị Kim A và anh T không có tài sản chung và nợ chung.

Bà H cũng trình bày thêm anh Nguyễn Đức T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Q, huyện Q. Hiện nay anh T làm lao động tự do tại Hà Nội nhưng thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh T và đã thông

báo đầy đủ cho anh T biết. Quan điểm của anh T là nhất trí ly hôn với chị Kim A; về con chung: vợ chồng có hai con chung, anh T xin nuôi dưỡng con Nguyễn Thảo L, để chị Kim A nuôi dưỡng con Nguyễn Thanh Th, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung, nợ chung: không có.

- *Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Bàn Kim A và anh Nguyễn Đức T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Đức T có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án hai lần triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Kim A, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị Kim A về nhà bố mẹ đẻ ở xã V, thành phố Th sinh sống và vợ chồng đã ly thân nhau từ khoảng tháng 7 năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị Kim A xin ly hôn nhưng anh T không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm, thông qua gia đình anh T cũng nhất trí ly hôn, không đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Kim A được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Kim A và gia đình anh T đều thống nhất khai: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/9/2018 (hiện đang ở cùng ông bà nội, do anh T nuôi dưỡng) và Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/03/2020 (hiện đang ở cùng chị Kim A). Cả hai con chung đều dưới 36 tháng tuổi, tuy nhiên chị Kim A và anh T (thông qua gia đình) đều nhất trí giữ nguyên tình trạng nuôi dưỡng con chung như hiện nay nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Kim A, xử giao con chung Nguyễn Thảo L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thanh Th cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không trực tiếp thể hiện quan điểm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Kim A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Kim A được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thảo L, sinh ngày 13/9/2018; giao chị Bàn Kim A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 14/03/2020. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bàn Kim A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001879 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Kim A đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Bàn Kim A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng